

Bản án số: 82/2024/HNGĐ-ST  
Ngày 31/12/2024  
V/v “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TÂY NINH, TỈNH TÂY NINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đặng Thị Ngọc Dung.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Trần Tấn Phát
2. Bà Nguyễn Thị Kim Phú

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Hoàng Thị Hoài Thanh, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tây Ninh tham gia phiên tòa:** Bà Võ Lê Trúc Phương, Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 553/2024/TLST-HNGĐ ngày 06/11/2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 90/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 11 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 55a/2024/QĐST-HNGĐ ngày 12/12/2024 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Phạm Thị L, sinh năm 1974; địa chỉ: Số A, hẻm G, Đường H, khu phố H, phường H, thành phố T, tỉnh Tây Ninh; Có đơn xin giải quyết vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Huy T, sinh năm 1973; địa chỉ: Số A, hẻm G, Đường H, khu phố H, phường H, thành phố T, tỉnh Tây Ninh; Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

*\* Theo đơn khởi kiện đề ngày 10/10/2024, trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Phạm Thị L trình bày:*

Bà L, ông T chung sống vợ chồng có đăng ký kết hôn tại UBND Phường T, Quận T (nay là thành phố T), Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 02/6/2003. Quá trình chung sống hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn do ông T không chăm lo cho gia đình, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, không nói chuyện với nhau nên bà L yêu cầu được ly hôn với ông T.

Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Phạm Ngọc Minh V, sinh ngày 12/9/2004 và Nguyễn Huy T1, sinh ngày 15/01/2009. Con chung V đã trưởng thành, bà L yêu cầu được nuôi con chung T1, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có

*\* Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Nguyễn Huy T trình bày:*

Về thời gian đăng ký kết hôn, nơi đăng ký kết hôn như bà L trình bày.

Về hôn nhân: Theo ông vợ chồng không có mâu thuẫn gì trầm trọng nhưng do bà L có nhiều thay đổi trong cuộc sống nên ông có lời lẽ xúc phạm bà L, ông cũng đã xin lỗi bà L nên ông xin đoàn tụ. Tuy nhiên, nếu bà L cương quyết ly hôn với ông thì ông cũng đồng ý ly hôn nhưng ông không đồng ý ký tên ly hôn, Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Về con chung: Trường hợp nếu Tòa án giải quyết cho ly hôn, ông T đồng ý giao con chung là Nguyễn Huy T1, sinh ngày 15/01/2009 cho bà L nuôi. Con chung V đã trưởng thành.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

*\* Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tây Ninh:*

- Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều đảm bảo đúng thời hạn, nội dung, thẩm quyền theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Người tham gia tố tụng thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, chấp hành tốt nội quy phiên tòa.

- Về nội dung: Căn cứ các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà L đối với ông T.

+ Về con chung: Con chung Nguyễn Phạm Ngọc Minh V, sinh ngày 12/9/2004 đã trưởng thành, bà L, ông T không yêu cầu giải quyết. Giao cháu Nguyễn Huy T1, sinh ngày 15/01/2009 cho bà L nuôi, Ghi nhận bà L không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết.

+ Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về tố tụng: Bà L có yêu cầu khởi kiện về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” với ông T có địa chỉ cư trú tại khu phố H, phường H, thành phố T, tỉnh Tây

Ninh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh theo Điều 28, 35 và 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Bà L và ông T chung sống vợ chồng có đăng ký kết hôn tại UBND Phường T, Quận T (nay là thành phố T), Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 26/10/2013 là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Xét yêu cầu ly hôn của bà L đối với ông T: Bà L trình bày nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng do ông T không chăm lo cho gia đình, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, không nói chuyện với nhau; ông T cho rằng ông có lời lẽ xúc phạm nhưng đã xin lỗi bà L nên xin đoàn tụ. Như vậy, giữa ông bà đã có phát sinh mâu thuẫn, xét thấy tình cảm vợ chồng giữa bà L, ông T không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, không có khả năng đoàn tụ. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà L đối với ông T là có căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình 2014.

[3] Về con chung: Con chung Nguyễn Phạm Ngọc Minh V, sinh ngày 12/9/2004 đã trưởng thành, bà L, ông T không yêu cầu giải quyết. Bà L xin nuôi con chung là Nguyễn Huy T1, sinh ngày 15/01/2009, ông T đồng ý giao con cho bà L nuôi nên để đảm bảo cho con chung có cuộc sống ổn định và phù hợp với nguyện vọng của cháu T1, Hội đồng xét xử chấp nhận giao con chung Nguyễn Huy T1 cho bà Liên tiếp T2 trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Ông T có quyền và nghĩa vụ đến thăm nom con chung, không ai được cản trở theo quy định tại các Điều 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận bà L không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5] Đối với đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh phù hợp với nhận định của Tòa án nên chấp nhận.

[6] Về án phí: Bà L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Tuyên xử:*

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” của bà Phạm Thị L đối với ông Nguyễn Huy T. Bà L, ông T được ly hôn.

2. Về con chung:

Con chung Nguyễn Phạm Ngọc Minh V, sinh ngày 12/9/2004 đã trưởng thành.

Giao cháu Nguyễn Huy T1, sinh ngày 15/01/2009 cho bà L trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Ghi nhận bà L không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Ông T có quyền và nghĩa vụ đến thăm nom con chung, không ai được cản trở.

**3.** Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra xem xét, giải quyết.

**4.** Về án phí: Bà L phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền số 0003590 ngày 01/11/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh. Bà L đã nộp đủ án phí.

**5.** Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo đối với bản án của Tòa án cấp sơ thẩm trong thời hạn 15 kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

**6.** Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND TPTN;
- CCTHATPTN;
- UBND P Tam Phú, Thủ Đức, HCM;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đặng Thị Ngọc Dung**